

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/10/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+RC4+RC5	7:25	5+9+8	0+0+0		1+6+15	0+0+0	
2		P2+BK3+RP3	7:25	8+0+14	0+0+0		4+1+17	0+0+0	
3		RP1+RC6+RCDM	9:25	11+5+6	0+0+0		10+5+7	0+0+0	
4		P5+CTK3+RP1	9:25	3+4+15	0+0+0		0+2+20	0+0+0	1 điều phái sân bay về ngồi ghế phụ
5		PVD2+RP3	9:25	8+14	0+0		2+20	0+0	
6		P6	17:25						
TTBDSX			CLO 19/10/20						
			Cát Hải						
			Bay huấn luyện P6						

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/3 người DH đi RC5 để kiểm tra AT TDS.

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/10/2020	TO: RP3 - RC4 - RC5	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - MTHAO - Năm	ETA: 09:20
xanh-1			

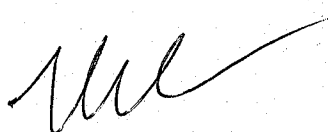
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MINH TUẤN	RP3	91	1	5		75	CODIEN	Vietnamese
2	TRỊNH HOÀI ĐỨC	RP3	92	1	5		67	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ HỮU TUÔNG	RP3	89,94	2	17		60	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN MINH	RP3	90	1	10		90	YTE	Vietnamese
5	VÕ HỒ HAI	RP3	95	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM HỒNG SƠN	RC4	90	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG TIN	RC4	91-92	2	17		90	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH HAI	RC4	89	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN CÔNG HUNG	RC4					55	KH-THAC	Vietnamese
10	HUYNH MINH TRÍ	RC4	88	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NAM TRUNG	RC4	86	1	8	50	65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN XUÂN THANH	RC4	84	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC VIỆT	RC4	87	1	5		60	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT HUNG	RC5	55	1	5		96	D-HANH	Vietnamese
15	ĐÌNH TRUNG KIẾN	RC5	57	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
16	YASHENKO	RC5	56	1	5		100	D-HANH	Russian
17	CAO THANH HỢP	RC5	59	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	VÕ VĂN ĐÔNG	RC5					65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TOÀN	RC5					65	KH-THAC	Vietnamese
20	HỒ ĐÌNH LỘC	RC5	65	1	5		75	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN CÔNG KHANH	RC5	58	1	5	50	85	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

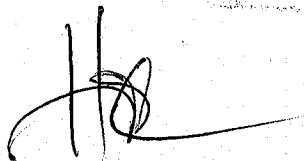
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	5	6	42	357	0	1		
2	RC4	8	8	60	517	50	6		
3	RC5	8	6	30	621	50	15		
TOTAL		21	20	132	1.495	100	22		
WEIGHT KG				132	1.495	100			

GRAND TOAL: 1.727 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P2 - BK3 - RP3	CREW: MTHẮNG - ĐỨC - TSON	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO CHÍ KIẾN	P2					67	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG HUY	P2	02	1	4		90	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THANH	P2	07	1	6		71	D-HANH	Vietnamese
4	TARGANOV G.V.	P2	03	1	7		92	D-HANH	Russian
5	NGUYỄN BÀ CUÔNG	P2	10	1	4		80	D-HANH	Vietnamese
6	THAI VĂN KHANH	P2	08-09	2	14		72	TECMACH	Vietnamese
7	NGÔ GIA PHÁT	P2	06	1	7	40	76	TECMACH	Vietnamese
8	DƯƠNG THANH TUÂN	P2	04	1	10	59	76	TECMACH	Vietnamese
9	ĐẠO VIỆT HAI	RP3	87	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRÍ CHUNG	RP3	82	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN ANH ĐÔNG	RP3	89	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ QUANG TỎ	RP3	79	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ TRỌNG LĨNH	RP3	80	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP3	85	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN SỸ ĐIệp	RP3	83	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	DƯƠNG CHUNG THUY	RP3	84	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG HAI HÀ	RP3	86	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN ĐÔNG	RP3	81	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TÙNG *TT	RP3	99	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	91	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM QUỐC CHÊ	RP3	88	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	78	1	1	20	67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	8	8	52	624	99	4		
2	BK3	0	0	0	0	10	1		
3	RP3	14	14	78	954	20	17		
TOTAL		22	22	130	1.578	129	22		
WEIGHT KG				130	1.578	129			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/10/2020	TO: RP1 - RC6 - RCDM	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: VThắng - MTHAO - Năm	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HUY TÂM	RP1	17	1	4	55	60	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN VĂN NGO	RP1	18-19	2	10		55	YTE	Vietnamese
3	NGUYEN DOAN ĐỨC	RP1	29	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
4	ZAKHARIN S.V	RP1	20-22	3	16		110	KH-THAC	Russian
5	TRẦN TUẤN ANH	RP1	23-24	2	13		75	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ ĐỨC VƯỢNG	RP1	30	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NĂNG	RP1	25	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ BÁ NẾP	RP1	27	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1	28	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ TRI KHANH	RP1	26	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	HUYNH MINH SANG	RP1	34	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG HỮU SƠN	RC6	51	1	5	40	75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HÂN	RC6	57	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
14	TU TUẤN TỬ	RC6	52-53	2	13		85	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG NHẬT THANH	RC6	58	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT HÀ	RC6	54	1	8		75	PSV	Vietnamese
17	HOANG NGỌC TÙNG	RCDM	77	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN THUẬN	RCDM	75	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TÔ TIẾN DUNG	RCDM	76	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LÁ	RCDM					69	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ VĂN THANH	RCDM	74	1	10		65	PSV	Vietnamese
22	LÊ VIỆT HUNG	RCDM	73	1	5		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

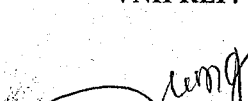
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	11	15	84	824	55	10		
2	RC6	5	6	42	395	40	5		
3	RCDM	6	5	31	410	0	7		
TOTAL		22	26	157	1.629	95	22		
WEIGHT KG				157	1.629	95			

GRAND TOAL: 1.881 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
FLIGHT: 4	TO: P5 - CTK3 - RP1	CREW: <i>Đinh</i> - Mạnh - MQUÂN	ETA: 11:55
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IUKHIMCHUCK	P5	59	1	9		85	KH-THAC	Russian
2	HỒ NGỌC BÈN	P5	60	1	12	35	72	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN HIẾU	P5	58	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN XUÂN PHÚC	CTK3					70	VNHS	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH THỊNH	CTK3	23	1	15		66	KH-THAC	Vietnamese
7	VÕ XUÂN TOÀN	CTK3	22	1	4		78	PSV	Vietnamese
8	BUI NGỌC LONG	RP1	41	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
9	HÀ QUỐC HOÀN	RP1	40	1	9		81	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN THANH	RP1	48	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
11	NG. VĂN BẢO TRUNG	RP1	39	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG THÔNG	RP1					70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT BĂNG	RP1	50	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI MINH ĐƯƠNG	RP1	47	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	43	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
16	TÀNG THANH DÂN	RP1	52	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG ĐÌNH HÒA	RP1	46	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
18	TÔ NG. MINH KHÔI	RP1	51	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐINH VĂN MẠNH	RP1	49	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
20	NG. TRƯƠNG NHẬT MINH	RP1	45	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RP1	42	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN TRỌNG HIẾU	RP1	44	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	3	3	30	230	35	0		+1NB CTK3 VE
2	CTK3	4	2	19	284	0	3		
3	RP1	15	14	84	1.060	0	19		
TOTAL		22	19	133	1.574	35	22		
WEIGHT KG				133	1.574	35			

GRAND TOAL: 1.742 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	TO: PVD2 - RP3	CREW: MTHĂNG - ĐỨC - TSON	ETA: 11:35
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU TAM	PVD2	24-25	2	14		65	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN THANH TUNG	PVD2	56-57	2	19		91	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN LUAN	PVD2	29	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM XUAN DUC	PVD2	24-25	2	15		85	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG NAM	PVD2	30	1	15		65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC PHONG	PVD2	21-22	2	15		62	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THANH TUYEN	PVD2	26	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
8	HUYNH QUANG TIEN	PVD2	23	1	11		84	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG VAN HOI	RP3				30	64	KH-THAC	Vietnamese
10	LE CONG HUNG	RP3	26	1	5	6	71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUU MAU	RP3	98-99	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN TIEN	RP3	30	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THANH BINH	RP3	97	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH QUANG THANH	RP3	27	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
15	CAO ĐỨC THANH	RP3	95	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH TAN NGON	RP3	93	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HIEN	RP3	96	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
18	VÔ THANH LAM	RP3	29	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN QUÝ HẢI	RP3	28	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TAN TRONG	RP3	94	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
21	VU CHI KIEN	RP3	31	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM NGỌC HUNG	RP3	34	1	6		77	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	8	12	111	586	0	2		
2	RP3	14	14	69	1.000	36	20		
TOTAL		22	26	180	1.586	36	22		
WEIGHT KG				180	1.586	36			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 20:15
FLIGHT: CAP CI	TO: CLO	CREW: QViệt - Hạnh - QTrưởng	ETA: 21:45

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	Nguyen Ngoc Luu	CLO					69	y te	Vietnamese
2	Phan Tat Thang	CLO				50	65	y te	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	2	0	0	134	50	3		thao ghe cho cang
	TOTAL	2	0	0	134	50	3		
	WEIGHT KG			0	134	50			

GRAND TOAL: 184 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN